

Bản án số: **58/2021/HS-PT**
Ngày 21-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuân và bà Trần Thị Nhài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Lý Đình Kiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2021/TLPT-HS, ngày 07/5/2021 đối với các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông Kế T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2021/HSST, ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. NGUYỄN ĐÌNH D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07/9/1989, tại Thái Nguyên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố BC, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình B và bà Đỗ Đình N; có vợ là Hà Thị M (đã ly hôn); chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự số 27/2007/HSST, ngày 27/8/2007 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Đình D 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, (có mặt tại phiên tòa).

2. NÔNG KẾ T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 04/3/1997, tại Bắc Kạn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn PN, xã KN, huyện BB, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T1 và bà Đỗ Thị L; vợ, con chưa có.

Tiền án: Không, tiền sự: Có 02 tiền sự;

- Tại Quyết định số 42/QĐ-XPVPHC, ngày 02/4/2015 của Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt T 350.000đ về hành vi “Đánh bạc” xảy ra ngày 16/01/2015, đến nay chưa chấp hành xong.

- Tại Quyết định số 121/QĐ-XPVPHC, ngày 09/10/2014 của Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt T 375.000đ về hành vi đánh nhau ngày 07/9/2014, đến nay chưa chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, (có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án này, có bị cáo Trần Văn T3 không kháng cáo và không bị kháng nghị, (vắng mặt do Tòa án không triệu tập).

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình D do Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử: Bà Nguyễn Thị D1, Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hứa Minh T2, sinh năm 1986, trú tại xóm TS, xã LB, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên;

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1950, trú tại xóm KL, xã MY, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên;

3. Anh Vũ Văn N1, sinh năm 1996;

4. Chị Bé Thị K, sinh năm 1994;

Đều trú tại: Xóm CĐ, xã HN, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, (đều vắng mặt do Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 6/2020, Nguyễn Đình D quen một người tên T3, khoảng 40 tuổi (không rõ họ và địa chỉ), T3 nhờ D tìm mua hộ 01 khẩu súng săn bắn đạn ghém. Ngày 09/7/2020, D nhờ Trần Văn T3, sinh năm 1999, trú tại xóm NB, xã LB, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên tìm người bán súng. Đến khoảng 12 giờ ngày 13/7/2020, T3 điện thoại hẹn gặp D tại phòng 205 nhà nghỉ HLT, tại phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên để T3 đưa tiền cho D đi mua súng, D gọi điện thoại rủ Nông Kế T, sinh năm 1997, trú tại thôn PN, xã KN, huyện BB, tỉnh Bắc Kạn cùng đến huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. D đi xe mô tô, biển kiểm soát 20B1-723.97 đến đón T tại phường TĐ, sau đó cùng nhau đến nhà nghỉ HLT để lấy tiền. Đến nơi T3 đưa cho D

5.800.000đồng, trong đó có 5.500.000 đồng là tiền mua súng, còn 300.000 đồng là tiền mua xăng xe. Trên đường đi đến xã KK, huyện ĐT, D điện thoại cho T3 và được T3 hướng dẫn đi vào chùa LB, đồng thời nhờ Chu Văn N2, sinh năm 2000, trú tại xóm ĐM, xã TH, huyện ĐT đi xe máy ra dẫn đường đưa vào nhà Hứa Thanh Đ, sinh năm 1979, trú tại xóm LC, xã LB là bác ruột của T3. Khi D, T đến nhà Đ thì gặp T3 chờ ở đó, do Đ không có nhà, T3 chở D và T đến nhà Phùng Văn Đ2, sinh năm 1983, trú tại xóm LC, xã LB là cậu họ của T3. Do Đ2 không có nhà, T3 T tục chở D, T đến nhà Hứa Văn T2 (tên gọi khác Hứa Minh A), sinh năm 1986, trú tại xóm TS, xã LB. Tại đây, D nhờ T2 mua hộ 01 khẩu súng bắn đạn ghém, T2 nói có súng nhưng không để ở nhà và mượn điện thoại của D gọi điện cho Hoàng Văn Q, sinh năm 1990, cùng xóm với T2. Sau đó T2 mượn xe mô tô của D đi đến nhà Q, đến nơi Q lấy 01 khẩu súng săn bắn đạn ghém mang ra đưa cho D xem, D cầm khẩu súng rồi gọi điện thoại cho người đàn ông tên T3 và thông báo đã tìm được súng, T3 bảo D nhờ người bán súng cắt ngắn báng súng khoảng 15cm, cắt ngắn nòng súng chỉ để nòng dài khoảng 10cm. Sau đó, D bảo T2 bắn thử súng thì T2 đi vào trong bếp lấy ra 01 vỏ đạn, 04 viên đạn và lắp 01 viên đạn vào súng, dư hướng súng lên trời bóp cò đạn nổ, T2 đồng ý bán cho D khẩu súng trên cùng 02 vỏ đạn, 03 viên đạn với giá 5.200.000đồng. D nhờ T2 cắt ngắn báng súng và nòng súng theo yêu cầu của T3, nhưng do không có máy cắt, D nhờ T2 tháo súng ra cho gọn, T2 tháo khẩu súng ra làm hai bộ phận (một bộ phận có nòng súng, một bộ phận có báng súng) rồi cho vào túi vải màu tím đưa cho D cùng với 03 viên đạn, 02 vỏ đạn đưa cho T3.

Sau khi mua được súng, T3 chở D và T theo hướng xã HN đến xã TH, huyện ĐT, trên đường đi T3 đưa 03 viên đạn và 02 vỏ đạn cho T cầm, D nhờ T3 đưa đi cắt ngắn báng súng, T3 đưa đến xưởng gỗ của anh Vũ Văn N1. Tại đây, T3 lấy báng súng ra và nói với anh N1 cắt ngắn hộ em cái này, N1 xem không biết hai bộ phận là cùng một khẩu súng, chỉ đoán 2 bộ phận này thuộc súng săn. D, T3 nhờ N1 cắt ngắn báng súng khoảng 15cm, cắt ngắn nòng súng chỉ để dài khoảng 10cm, N1 dùng máy cắt gỗ nhãn hiệu Panda cắt ngắn báng súng và nòng súng, T dùng giấy giáp đánh nhẵn phần nòng súng vừa mới cắt. Sau đó D đưa cho T3 30.000 đồng trả tiền công cho N1, nhưng N1 không lấy, T3 đưa 10.000đồng cho chị Bé Thị K là vợ anh N1. T lắp 02 bộ phận của súng lại thành một khẩu súng và cho vào túi vải màu tím, T3 chở D, T về thành phố TN đến khu vực cổng trường Đại học NL, D bảo T, T3 xuống xe chờ, còn D mang súng đến nhà nghỉ HLT để giao cho T3. Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện kiểm tra, bắt giữ. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D, tạm giữ khẩu súng niêm phong ký hiệu (S) và 01 đoạn nòng súng niêm phong ký hiệu (N1). Ngày 14/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của D, tại tổ dân phố BC, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên không phát hiện thu giữ gì.

Ngày 15/7/2020, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hứa Minh T2, trú tại xóm TS, xã LB phát hiện thu giữ 01 khẩu súng có chiều dài 117cm, nòng súng dài 79,5cm,

đường kính nòng (chứa ổ đạn) 12,7mm, phần thân và báng dài 45cm, niêm phong ký hiệu (K1); 05 viên đạn bằng kim loại màu vàng có kích thước tương đồng nhau, chiều dài 5,4cm, đường kính 12,4mm; 01 vỏ đạn bằng kim loại màu vàng có chiều dài 17cm, đường kính 02cm, niêm phong ký hiệu (K2). T2 khai mua số súng trên của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1950, trú tại xóm KL, xã MY, huyện ĐT. Ngày 16/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã khám xét chỗ ở của ông C phát hiện thu giữ: 01 khẩu súng dài 111cm, nòng súng dài 73cm, đường kính nòng (ổ chứa đạn) 17,5mm, phần thân và báng dài 47cm, niêm phong ký hiệu (S1); 02 viên đạn dài 6,2cm, đường kính 17,4mm; 02 viên đạn dài 6,8cm, đường kính 17,4mm; 30 vỏ đạn bằng kim loại màu vàng kích thước tương đồng nhau dài 05cm, đường kính đầu vỏ đạn 01cm; 03 vỏ đạn bằng kim loại hình trụ có kích thước tương đồng nhau dài 07cm, đường kính 1,5cm, niêm phong ký hiệu (Đ2).

Tại Kết luận giám định số 4618/C09-P3, ngày 14/7/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng tự chế bắn đạn ghém cỡ 12, thuộc vũ khí quân dụng, khẩu súng này còn sử dụng để bắn được.

Ngày 04/8/2020, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã trưng cầu giám định bổ sung đối với khẩu súng quân dụng, phần nòng súng và báng súng khi chưa bị cắt là loại súng gì, có phải vũ khí quân dụng không?

Tại Kết luận giám định số 5214/C09-P3, ngày 14/8/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Hiện tại không đủ cơ sở để xác định 01 khẩu súng dài 69,5cm đã được giám định trong Kết luận giám định số 4618/C09-P3, ngày 14/7/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, ban đầu khi chưa bị cưa nòng, báng là súng gì, có thuộc vũ khí quân dụng không?

Tại Kết luận giám định số 5213/C09-P3, ngày 18/8/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận đối với khẩu súng có niêm phong ký hiệu (S1); 04 viên đạn, 03 vỏ đạn ký hiệu (Đ2) như sau:

- 01 khẩu súng dài 111cm, là súng săn bắn đạn ghém, cỡ 20, không thuộc vũ khí quân dụng, hiện khẩu súng còn sử dụng để bắn được.

- 01 khẩu súng dài 117cm gửi giám định, là súng săn bắn đạn ghém cỡ 32, không thuộc vũ khí quân dụng, hiện súng còn sử dụng để bắn được.

- 03 viên đạn, mỗi viên dài 6,8cm, đường kính 20,2mm; 08 viên đạn mỗi viên dài 5,4cm, đường kính dài 12,4mm; 02 viên đạn mỗi viên dài 6,2cm đường kính 17,4mm và 02 viên đạn mỗi viên dài 6,8cm đường kính 17,4mm gửi giám định là 03 viên đạn ghém cỡ 12; 08 viên đạn ghém cỡ 32 và 04 viên đạn ghém cỡ 20; 15 viên đạn này không phải đạn quân dụng, không thuộc vũ khí quân dụng. Hiện tại 01 viên đạn ghém cỡ 32 trên hạt nổ đã có tác động của kim hỏa được sử dụng bắn nhiều lần, nhưng đạn không nổ, 14 viên đạn còn lại còn sử dụng để bắn được.

Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2021/HSST, ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông

Kế T và Trần Văn T3 phạm tội “Tàng trữ, chế tạo, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Đình D 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2020.
- Nông Kế T 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn T3 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2020.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 01/4/2021, bị cáo Nguyễn Đình D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 12/4/2021, bị cáo Nông Kế T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D kháng cáo kêu oan và xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông Kế T đều có nhân thân xấu, bị cáo D bị xét xử bằng một bản án, bị cáo T bị Cơ quan nhà nước xử phạm vi phạm hành chính nhiều lần. Bị cáo D là người chịu trách nhiệm chính trực T liên hệ việc mua súng, nhận tiền và thuê xe cùng bị cáo T đi đến huyện ĐT nhờ Trần Văn T3 tìm mua súng. Đối với khẩu súng thu giữ của các bị cáo mua của Hứa Minh T2 vào ngày 13/7/2020, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Viện Khoa học hình sự , Bộ Công an giám định đối với khẩu súng trên và tại Kết luận giám định số 4618/C09-P3, ngày 14/7/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận; khẩu súng gửi giám định là súng tự chế bắn đạn ghém cỡ 12, thuộc vũ khí quân dụng , khẩu súng này còn sử dụng để bắn được. Do vậy Viện kiểm sát cấp sơ thẩm truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ, chế tạo , vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” là có căn cứ không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do vậy, hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình D trình bày quan điểm: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo D kêu oan, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giám định lại vật chứng vụ án là khẩu súng thu giữ của các bị cáo vào ngày 13/7/2020 và xem xét lại Kết luận giám định số 4618/C03-P3, ngày 14/7/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an là không hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ Điều 13, 15

Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố bị cáo D không phạm tội “Tàng trữ, chế tạo, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”.

Bị cáo D có ý kiến: Bị cáo không có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, có chăng bị cáo chỉ có hành vi “chế tạo, vận chuyển” trái phép vũ khí quân dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho giám định lại khẩu súng trên.

Bị cáo T không tranh luận với kết luận của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng; bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giám định lại khẩu súng thu giữ của bị cáo và cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông Kế T gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông Kế T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo T3; Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 13/7/2020, tại nhà nghỉ HLT thuộc tổ 2, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, T3 đã đưa cho D 5.800.000 đồng, trong đó có 5.500.000 đồng là tiền mua súng, còn 300.000 đồng là tiền công. Bị cáo D chở bị cáo T đến huyện ĐT tìm gặp Trần Văn T3 để mua súng. D, T và Trần Văn T3 đến nhà Hứa Minh T2, trú tại xóm Tiên Sơn, xã LB, huyện ĐT, mua 01 khẩu súng cỡ 12 cùng với 02 vỏ đạn, 03 viên đạn với giá 5.200.000 đồng. T3 yêu cầu D cắt ngắn báng súng khoảng 15cm, cắt ngắn nòng súng chỉ để dài khoảng 10cm, T3 chở D đến xưởng gỗ của anh Vũ Văn N1, trú tại xóm CĐ, xã HN, huyện ĐT nhờ anh N1 cưa giúp báng súng và nòng súng, sau đó Trần Văn T3 chở T và D về Thái Nguyên bán súng cho người tên là T3. Đến 18 giờ 15 phút cùng ngày, D mang súng đến nhà nghỉ HLT thì bị Công an phát hiện thu giữ 01 khẩu súng màu đen bằng kim loại, báng súng và ốp nòng súng bằng gỗ màu nâu.

Tại Kết luận giám định số 4618/C03-P3, ngày 14/7/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận; khẩu súng gửi giám định là súng tự chế bắn đạn ghém 12, thuộc vũ khí quân dụng, khẩu súng này còn sử dụng được.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông Kế T theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự về tội “Tàng trữ, chế tạo, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” là chưa chính xác so với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo không có hành vi tàng trữ súng, bị cáo có các hành vi “chế tạo, vận chuyển, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D kháng cáo kêu oan, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của các bị cáo khác tại phiên tòa và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Trong quá trình xét xử sơ thẩm, bị cáo không kêu oan cho rằng cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D cho rằng mình chỉ có hành vi “chế tạo, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”, không có hành vi “tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” như cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có các hành vi “chế tạo, vận chuyển, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử thiếu hành vi phạm tội của bị cáo, vì sau khi mua được súng các bị cáo đã cưa báng súng, nòng súng, vận chuyển về thành phố Thái Nguyên bán cho người tên là T3. Như vậy, bị cáo đã có các hành vi thực hiện tội phạm “chế tạo, vận chuyển, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

Bị cáo D đề nghị giám định lại khẩu súng thu giữ vào ngày 13/7/2020, với lý do Kết luận giám định khẩu súng trên của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an không chính xác. Xét thấy, tại Kết luận giám định số 4618/C09-P3, ngày 14/7/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Khẩu súng gửi giám định (thu giữ của bị cáo ngày 13/7/2020), là súng tự chế bắn đạn ghém cỡ 12, thuộc vũ khí quân dụng, khẩu súng này còn sử dụng để bắn được. Đến ngày 04/8/2020, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã trưng cầu giám định bổ sung đối với khẩu súng quân dụng, phần nòng súng và báng súng khi chưa bị cắt là loại súng gì, có phải vũ khí quân dụng không? Tại Kết luận giám định số 5214/C09-P3, ngày 14/8/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Hiện tại không đủ cơ sở để xác định 01 khẩu súng dài 69,5cm đã được giám định trong Kết luận giám định số 4618/C09-P3, ngày 14/7/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, ban đầu khi chưa bị cưa nòng, báng là súng gì, có thuộc vũ khí quân dụng không?

Do vậy, đối với khẩu súng trên do bị cáo mua của Hứa Minh T2 và bị thu giữ vào ngày 13/7/2020, sau đó các bị cáo đã cưa báng và nòng súng mang về thành phố Thái Nguyên tiêu thụ, khẩu súng trên đã được giám định tại Kết luận giám định số 4618/C09-P3, ngày 14/7/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận là súng tự chế bắn đạn ghém cỡ 12, thuộc vũ khí quân dụng, khẩu súng này còn sử dụng để bắn được. Các bị cáo đã có hành vi chế tạo, vận chuyển, mua bán trái phép vũ khí quân dụng. Căn cứ Điều 211 Bộ luật Tố tụng hình sự, quy định về giám định lại, Hội đồng xét xử xét thấy, không có nghi ngờ kết luận giám định lần đầu không chính xác. Do vậy, yêu cầu giám định lại khẩu súng trên của bị cáo đã được giải thích rõ trong Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an số 4618/C03-P3 ngày 14/7/2020, không cần thiết phải trưng cầu giám định lại. Do vậy, yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo là không có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông Kế Tin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo D đã có 01 tiền án đến nay đã được xóa án tích, bị cáo T có 02 tiền sự, các bị cáo không lấy đó làm

bài học tự giáo dục, rèn luyện mình trở thành công dân có ích cho xã hội, mà lại T tục phạm tội. Trong quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại Điều 51, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được các tình tiết, chứng cứ mới, nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù của Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội, sửa phần tội danh đối với các bị cáo.

[5] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận, do vậy các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông Kế T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2021/HSST, ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên về mức hình phạt tù; sửa phần tội danh đối với các bị cáo như sau:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông Kế T phạm tội “chế tạo, vận chuyển, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Đình D **42** (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2020.

- Bị cáo Nông Kế T **30** (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/7/2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tạm giam các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông Kế T, mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Đình D, Nông Kế T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4.Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2021/HSST, ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 21/6/2021./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- VKSND thành phố TN;
- Chi cục THADS Tp. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vương Hồng Giang